

Số: /ĐA-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO



ĐỀ ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Tứ Kỳ

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN CÁC THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TỨ KỶ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Xuất phát từ thực trạng tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn

Xã Tứ Kỳ có diện tích tự nhiên là 30,87 km², với 11.649 hộ gia đình và 37.339 người. Trên địa bàn xã có 20 thôn 40 người hoạt động không chuyên trách tại các thôn. Hiện nay, có 15 thôn có số quy mô dân số đạt từ 400 hộ gia đình trở lên; có 05 thôn có quy mô số hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định 400 hộ gia đình.

2. Xuất phát từ yêu cầu thực tế

- Xuất phát từ thực tế sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, số lượng thôn trên địa bàn xã tăng lên nhiều, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương ở cơ sở.

- Từ tình hình thực tế của thôn hiện nay:

+ Một số thôn có quy mô dân số nhỏ, diện tích phân tán, chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định; gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động cộng đồng.

+ Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các thôn quy mô nhỏ còn dàn trải, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao, dễ dẫn đến lãng phí ngân sách.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn là thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn làm giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người trực tiếp tham gia công việc tại thôn tinh gọn bộ máy, kiện toàn nâng cao chất lượng của người hoạt động không chuyên trách thôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

-Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

- Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 23/3/2026 của Thành ủy về xây dựng Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ Bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng trên địa bàn thành phố.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 về tổ chức, hoạt động của thôn, và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 27/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp, tổ chức lại thôn, trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026.

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tứ Kỳ về sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã năm 2026.

- Phương án số 13/PA-UBND, ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã về phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã năm 2026.

- Các văn bản của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG THÔN VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA TRỰC TIẾP TẠI THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TỨ KỲ

I. THỰC TRẠNG CÁC THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TỨ KỲ

1. Số lượng và quy mô các thôn

a) Tổng số thôn:

Trên địa bàn xã hiện nay có 20 thôn với 11.649 hộ và 37.339 nhân khẩu.

b) Quy mô thôn:

Hiện trạng quy mô các thôn trên địa bàn xã đối chiếu với quy định tại Nghị định 185/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

- 15 thôn đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định;

- 05 thôn chưa đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định, trong đó:

- + Có quy mô dưới 50% số hộ gia đình: 0 thôn;
- + Có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình: 01 thôn;
- + Có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình: 04 thôn;

c) Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân (*nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, khu vui chơi...*).

Các thôn cơ bản có đầy đủ thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, khu thể thao, hệ thống giao thông nội đồng, phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 1A, 1B kèm theo)

2. Các tổ chức tại thôn

- Các tổ chức tại thôn được thành lập và duy trì hoạt động như: Chi bộ Đảng, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu Chiến binh, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội Người cao tuổi, Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Nông dân.

Các tổ chức tại thôn cơ bản hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức các phong trào tại cơ sở.

- Đối với Chi bộ thôn:

- + Thôn không có Chi bộ để lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động: **Không có.**
- + Thôn có 01 Chi bộ: 20 thôn.
- + Thôn có 02 Chi bộ trở lên (ghi rõ tên thôn): **Không có.**

- Việc kiện toàn các tổ chức trên tại thôn khi có biến động về tổ chức của thôn.

Việc kiện toàn các tổ chức tại thôn khi có biến động về tổ chức hành chính, sáp nhập thôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện kịp thời, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng, phát huy hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tại cơ sở; đồng thời giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

3. Tình hình hoạt động tại thôn

Các thôn đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, chính quyền cấp trên với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, lồng ghép tuyên truyền học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát huy vai trò Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân phát triển KT-XH, AN-QP, tham gia xây dựng đảng, chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị... Đây

manh phong trào thi đua sản xuất giỏi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần trong các tầng lớp nhân dân, phong trào đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, công tác nhân đạo từ thiện được khơi dậy và phát huy.

II. THỰC TRẠNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA THÔN

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn:

Tổng số 40 người, trong đó:

- Chia ra cụ thể theo các chức danh:

+ Bí thư Chi bộ: 0 người;

+ Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn: 20 người;

+ Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận: 0 người;

+ Trưởng thôn: 0 người;

+ Trưởng ban Công tác Mặt trận: 20 người.

- Chia theo độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: 01 người;

+ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 04 người;

+ Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 8 người;

+ Trên 60 tuổi: 27 người.

- Chia theo trình độ đào tạo: Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, phổ thông.

+ Trên đại học: 0 người;

+ Đại học: 05 người;

+ Cao đẳng, trung cấp: 06 người;

+ Phổ thông: 29 người.

Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn cơ bản có kinh nghiệm công tác, am hiểu địa bàn, có uy tín trong Nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại cơ sở. Tuy nhiên, một số chức danh có độ tuổi cao, trình độ chuyên môn chưa đồng đều; việc thực hiện kiêm nhiệm chức danh tại nhiều thôn nhằm tinh gọn bộ máy, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách và nâng cao hiệu quả hoạt động ở cơ sở theo chủ trương chung.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 3A kèm theo)

2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn đang hưởng bồi dưỡng theo các quy định của thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương cũ

Tổng số 29 người, trong đó:

Chia ra cụ thể theo các chức danh:

+ Phó trưởng thôn: 11 người;

+ Thôn đội trưởng: 18 người

- Chia theo độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: 01 người;

- + Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 03 người;
- + Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 15 người;
- + Trên 60 tuổi: 08 người, trong đó trên 70 tuổi: 02 người.
- Chia theo trình độ đào tạo: Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, phổ thông.
- + Trên đại học: 0 người;
- + Đại học: 01 người;
- + Cao đẳng, trung cấp: 01 người;
- + Dưới trung cấp/phổ thông: 27 người.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 3B kèm theo)

3. Các trường hợp người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo các quy định của Trung ương, thành phố

Tổng số: 188 người, trong đó:

Chia ra cụ thể theo các chức danh:

- + Chi Hội Trưởng Hội Cựu chiến binh: 20 người;
- + Chi Hội trưởng Hội Nông dân: 20 người;
- + Chi Hội trưởng Hội Phụ Nữ: 20 người;
- + Bí thư Chi đoàn: 20 người;
- + Chi Hội trưởng Hội Người cao tuổi: 20 người.
- + Tổ An Ninh Trật tự cơ sở: 34 người;
- + Công tác viên dân số: 34 người;
- + Y tế thôn: 20 người.

Người tham gia Tổ an ninh trật tự được hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.

Chi hội trưởng các Chi hội đoàn thể ở thôn đang hưởng bồi dưỡng theo Nghị quyết số số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

4. Đánh giá chung về số lượng, hoạt động của các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn

a) Ưu điểm

Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn được bố trí đầy đủ theo quy định. Đội ngũ cán bộ thôn nhìn chung có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, gắn bó với địa phương, có uy tín trong cộng đồng, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu phong tục, tập quán và tình hình Nhân dân tại các thôn.

Việc bố trí kiêm nhiệm nhiều chức danh tại thôn bước đầu phát huy hiệu quả, giúp tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, tăng tính thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành công việc ở cơ sở; đồng thời góp phần tiết kiệm ngân sách nhà

nước. Đa số thôn đã thực hiện tốt mô hình Bí thư chỉ bộ đồng thời là Trưởng thôn, tạo sự đồng bộ trong triển khai nhiệm vụ chính trị tại địa bàn dân cư.

b) Về tồn tại, hạn chế:

- Độ tuổi của đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn còn tương đối cao; số người từ 50 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ lớn, trong đó nhiều trường hợp đã trên 60 tuổi.

- Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ còn thấp; nguồn nhân lực kế cận ở cơ sở chưa thực sự dồi dào. Trình độ chuyên môn, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của một số người tham gia hoạt động ở thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số và cải cách hành chính hiện nay.

- Một số chức danh kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên khối lượng công việc lớn, áp lực cao, ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ giải quyết công việc.

- Mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn còn thấp, chưa tương xứng với khối lượng và tính chất công việc.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Mức phụ cấp, hỗ trợ đối với đội ngũ hoạt động ở thôn còn thấp, chưa tương xứng với khối lượng, tính chất và yêu cầu công việc; chưa tạo được sức hút đối với người trẻ, người có trình độ chuyên môn tham gia công tác tại cơ sở.

+ Khối lượng công việc ở thôn ngày càng nhiều, nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới trong khi số lượng chức danh được bố trí theo hướng tinh gọn nên áp lực công việc lớn.

+ Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động ở một số thôn còn thiếu; kinh phí dành cho hoạt động của các tổ chức ở khu dân cư còn hạn chế nên ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác tạo nguồn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thôn ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức; chưa chủ động xây dựng lực lượng kế cận trẻ, có trình độ.

+ Một số cán bộ thôn còn hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp tổ chức và xử lý công việc; việc tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới còn chưa thường xuyên.

+ Công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn có thời điểm chưa thường xuyên, nội dung bồi dưỡng chưa thật sự sát với yêu cầu thực tiễn.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

I. MỤC TIÊU

1. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn để đảm bảo quy mô số hộ gia đình và đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn và người hoạt động không chuyên trách thôn gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

1. Phương án sắp xếp:

Sắp xếp, tổ chức lại 20 thôn trên địa bàn xã Tứ Kỳ thành 15 thôn, cụ thể như sau:

1.1. Sáp nhập thôn Thị Tứ, Bích Cẩm và thôn Bích Đồng thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Bích Đồng

Sau sắp xếp, thôn Bích Đồng đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định.

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: Thôn Bích Đồng.

- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn: phía Tây Bắc giáp xã Tân Kỳ; phía Đông Bắc giáp thôn Thái An; phía Nam giáp thôn An Mạc (mới). *(có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý kèm theo).*

- Số hộ gia đình: 1.059 hộ.

- Số nhân khẩu: 3.477 người, trong đó có 129 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 231,01 ha.

Cơ sở hạ tầng hiện có gồm 04 nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ sinh hoạt cộng đồng cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của Nhân dân.

Dự kiến thành lập 01 Chi bộ thôn sau sắp xếp.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại

Ba thôn có vị trí địa lý liền kề, có truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán tương đồng; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, bảo đảm thuận tiện trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Sau sắp xếp, quy mô số hộ gia đình bảo đảm theo quy định.

c) Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn

- Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:

+ Số lượng hiện có mặt: Tổng số 06 người, gồm: 03 Bí thư Chi bộ kiêm trưởng thôn; 03 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 03 người làm việc 03 chức danh; dôi dư 03 người.

- Đối với người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn:

+ Số lượng hiện có mặt: Tổng số 04 người, gồm Phó thôn và Thôn đội trưởng.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 02 người tiếp tục tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn; dôi dư 02 người.

1.2. Sáp nhập thôn An Phòng Giang và thôn Mạc Xá thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn An Mạc

Sau sắp xếp, thôn An Mạc đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định.

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: Thôn An Mạc.

- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn: phía Bắc giáp thôn Bích Đông và thôn Thái An; phía Đông giáp thôn An Nhân Tây ; phía Nam giáp thôn Vũ Xá và thôn Tân Quang. (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý kèm theo).

- Số hộ gia đình: 866 hộ.

- Số nhân khẩu: 2.787 người, trong đó có 87 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 274,77 ha.

- Có 02 nhà văn hóa và các công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

- Dự kiến thành lập 01 Chi bộ thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại

Hai thôn có địa giới hành chính liền kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động cộng đồng tại địa phương.

c) Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn

- Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:

+ Số lượng hiện có mặt: Tổng số 04 người, gồm: 02 Bí thư Chi bộ kiêm trưởng thôn; 02 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 03 người làm việc 03 chức danh; dôi dư 01 người.

- Đối với người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn:

+ Số lượng hiện có mặt: Tổng số 02 người, gồm Phó thôn và Thôn đội trưởng.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 02 người tiếp tục tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn; dôi dư 0 người.

1.3. Sáp nhập thôn Vạn Tải và Trúc Văn thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Minh Hương

Sau sắp xếp, thôn Minh Hương đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định.

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: Thôn Minh Hương.
- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn: phía Bắc giáp Thôn An Nhân Đông; phía Tây Bắc giáp thôn An Nhân Tây phía Đông bắc giáp thôn La Tĩnh Nam và xã Chí Minh. (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý kèm theo).

Số hộ gia đình: 1.005 hộ.

Số nhân khẩu: 3.293 người, trong đó có 78 đảng viên.

Diện tích tự nhiên: 297,73 ha.

Có 02 nhà văn hóa và các thiết chế văn hóa phục vụ cộng đồng.

Dự kiến thành lập 01 Chi bộ thôn.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại

Hai thôn có vị trí địa lý liền kề, có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa và đời sống sinh hoạt của Nhân dân; việc sáp nhập bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định và thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở cơ sở.

c) Thực trạng và phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách

- Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:
 - + Số lượng hiện có mặt: Tổng số 04 người, gồm: 02 Bí thư Chi bộ kiêm trưởng thôn; 02 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.
 - + Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 03 người làm việc 03 chức danh; dôi dư 01 người.
 - Đối với người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn:
 - + Số lượng hiện có mặt: Tổng số 03 người, gồm Phó thôn và Thôn đội trưởng.
 - + Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 02 người tiếp tục tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn; dôi dư 01 người.

1.4. Sáp nhập thôn Mép và thôn Văn Sự thành thôn mới dự kiến tên gọi là thôn Minh Hải

Sau sắp xếp, thôn Minh Hải đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định.

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: Thôn Minh Hải.
- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn: phía Đông giáp xã Lạc Phượng; phía Tây giáp thôn Phúc Lâm; phía Bắc giáp thôn Minh Hương (mới); phía Nam giáp thôn Cự Lộc. (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý kèm theo).

Số hộ gia đình: 1.105 hộ.

Số nhân khẩu: 3.388 người, trong đó có 75 đảng viên.

Diện tích tự nhiên: 332,10 ha.

Cơ sở hạ tầng hiện có gồm 02 nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ sinh hoạt cộng đồng cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của Nhân dân.

Dự kiến thành lập 01 Chi bộ thôn sau sắp xếp.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại

Hai thôn có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Sau sắp xếp, quy mô số hộ gia đình bảo đảm theo quy định.

c) Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn

- Thực trạng và phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:

+ Số lượng hiện có mặt: Tổng số 04 người, gồm: 02 Bí thư Chi bộ kiêm trưởng thôn; 02 Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 03 người làm việc 03 chức danh; dôi dư 01 người.

- Đối với người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn:

+ Số lượng hiện có mặt: Tổng số 03 người, gồm Phó thôn và Thôn đội trưởng.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 02 người tiếp tục tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn; dôi dư 01 người.

2. Giữ ổn định 11 thôn, gồm:

2.1. Thôn Thái An

- Số hộ gia đình: 600 hộ.

- Số nhân khẩu: 1.889 người.

- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 66 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 180,34 ha.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn: 02 người.

- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 02 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.2. Thôn An Nhân Tây

- Số hộ gia đình: 712 hộ.

- Số nhân khẩu: 2.271 người.

- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 30 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 215,36 ha.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 01 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.3. Thôn An Nhân Đông

- Số hộ gia đình: 746 hộ.

- Số nhân khẩu: 2.365 người.

- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 62 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 74,93 ha.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 02 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.4. Thôn La Tĩnh Bắc

- Số hộ gia đình: 596 hộ.

- Số nhân khẩu: 1,934 người.

- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 92 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 72,97 ha.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 01 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.5. Thôn La Tĩnh Nam

- Số hộ gia đình: 715 hộ.

- Số nhân khẩu: 2.419 người.

- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 94 đảng viên.

- Diện tích tự nhiên: 123,52 ha.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.

- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 02 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.6. Thôn Cự Lộc

- Số hộ gia đình: 778 hộ.
- Số nhân khẩu: 2.474 người.
- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 84 đảng viên.
- Diện tích tự nhiên: 217,68 ha.
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.
- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 02 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.7. Thôn Phúc Lâm

- Số hộ gia đình: 760 hộ.
- Số nhân khẩu: 2.335 người.
- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 43 đảng viên.
- Diện tích tự nhiên: 269,10 ha.
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.
- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 01 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.8. Thôn Quàn

- Số hộ gia đình: 527 hộ.
- Số nhân khẩu: 1.684 người.
- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 41 đảng viên.
- Diện tích tự nhiên: 141,85 ha.
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.
- Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 01 người.

Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Đảm bảo quy mô dân số hộ gia đình theo quy định.

2.9. Thôn Nhũ Tĩnh

- Số hộ gia đình: 1.168 hộ.
- Số nhân khẩu: 3.709 người.

- Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 73 đảng viên.
 - Diện tích tự nhiên: 301,51 ha.
 - Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.
 - Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 02 người.
- Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.10. Thôn Tân Quang

- Số hộ gia đình: 525 hộ.
 - Số nhân khẩu: 1.758 người.
 - Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 36 đảng viên.
 - Diện tích tự nhiên: 185,13 ha.
 - Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.
 - Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 01 người.
- Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

2.11. Thôn Vũ Xá

- Số hộ gia đình: 487 hộ.
 - Số nhân khẩu: 1.556 người.
 - Số Chi bộ thuộc thôn: 01 Chi bộ với 30 đảng viên.
 - Diện tích tự nhiên: 169,04 ha.
 - Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 02 người gồm 01 Bí thư chi bộ, trưởng thôn, 01 Trưởng ban công tác Mặt trận thôn.
 - Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: 02 người.
- Lý do giữ ổn định, không sắp xếp, sáp nhập: Thôn có quy mô lớn, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động cộng đồng.

(Lý do cụ thể kèm theo Phụ lục 5 kèm theo).

3. Tổng số thôn trên địa bàn sau khi sắp xếp, sáp nhập (bao gồm cả các thôn giữ ổn định)

Sau sắp xếp, tổ chức lại toàn xã có 15 thôn đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

(Chi tiết theo các phụ lục: 6A, 6B kèm theo)

III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC, SẮP XẾP LẠI CHI BỘ ĐẢNG, ĐOÀN THỂ Ở THÔN; VIỆC THỰC HIỆN, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Phương án sắp xếp, hợp nhất các chi bộ, các chi hội, tổ chức đoàn thể

Nội dung sắp xếp chi bộ, chi hội, tổ chức đoàn thể thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn xã theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền

2. Về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn dôi dư sau sắp xếp

Thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/6/2026 về tinh giảm biên chế.

IV. PHƯƠNG ÁN NHÀ VĂN HÓA, KHU THỂ THAO DÔI DƯ SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Về thực trạng

a) Nhà văn hóa của các thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

- Tổng số hiện có: 21 nhà
- Tổng số dự kiến sử dụng 21 nhà
- Tổng số dôi dư: 0 nhà

b) Khu thể thao của các thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

- Tổng số khu thể thao hiện có: 21 khu.
- Tổng số dự kiến sử dụng: 21 khu.
- Tổng số dôi dư: 0 khu.

2. Về phương án sắp xếp, xử lý

Tiếp tục sử dụng 21 Nhà văn hóa làm Nhà văn hóa thôn mới và các điểm sinh hoạt cộng đồng, 21 khu thể thao phục vụ hoạt động thể dục thể thao của cộng đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 7 kèm theo)

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án

- Hình thức lấy ý kiến: Lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình.
- Thời gian: Từ ngày 01/6/2026 đến ngày 21/6/2026.
- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện.
- Địa điểm: Phát phiếu lấy ý kiến tại các hộ gia đình

2. Thông qua kỳ họp HĐND cấp xã

- Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri của các thôn về Đề án thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn đạt tỷ lệ trên 50%, UBND xã hoàn thành hồ sơ trình HĐND xã xem xét ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã.

- Thời gian: Trước ngày 26/6/2026

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

1. Đề nghị Đảng ủy xã

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại thôn theo đúng chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các chi bộ thôn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân tạo sự thống nhất, đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp thực hiện tốt công tác nắm tình hình tư tưởng Nhân dân; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

- Chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức chi bộ thôn sau sắp xếp, tổ chức lại bảo đảm phù hợp với quy định và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án; định hướng giải quyết các vấn đề phát sinh nhằm bảo đảm ổn định tình hình địa phương.

2. Ủy ban nhân dân xã

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, sắp xếp, tổ chức lại thôn theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và các thôn có liên quan. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án đến Nhân dân; Tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định.

- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình HĐND xã xem xét thông qua và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tổ chức công bố quyết định thành lập thôn sau sắp xếp, tổ chức lại; thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy ở thôn theo quy định.

- Chỉ đạo rà soát, quản lý, bàn giao tài sản, cơ sở vật chất, hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan của các thôn trước sắp xếp, tổ chức lại.

- Phối hợp thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn và các đối tượng liên quan theo quy định hiện hành.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả với cấp có thẩm quyền.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp với UBND xã và các thôn liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại thôn.

- Tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; kịp thời phản ánh với cấp ủy, chính quyền để xem xét, giải quyết.

- Phối hợp tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình bảo đảm khách quan, dân chủ và đúng quy định.

- Hướng dẫn kiện toàn Ban công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể sau sắp xếp, tổ chức lại; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, cuộc vận động tại khu dân cư.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án; góp phần bảo đảm công khai, minh bạch và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

4. Các thôn thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại

- Phối hợp chặt chẽ với UBND xã trong việc triển khai thực hiện Đề án; tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại thôn.

- Tổ chức các cuộc họp chi bộ, họp quần dân chính đảng, Hội nghị của Ban công tác MT, Ban chấp hành các Chi hội đoàn thể cấp thôn và lấy ý kiến Nhân dân theo quy định.

- Thực hiện rà soát, thống kê tài sản, hồ sơ và các nội dung liên quan phục vụ việc sắp xếp, tổ chức lại.

- Chủ động nắm tình hình địa bàn; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Sau khi sắp xếp, tổ chức lại, tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, duy trì ổn định các hoạt động cộng đồng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Tứ Kỳ năm 2026, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ và các đoàn thể chính trị - XH xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Ngọc Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỬ KỲ**

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn/tổ dân phố
trên địa bàn xã Tử Kỳ tính đến ngày 20/5/2026
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Tử Kỳ)**

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn						Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Tổng	11.649		37.339	3.087		40	29		
I	ĐỐI VỚI XÃ									
1	Thôn Thị Tứ	362	90,5	1.259	25,34		2	2		
2	Thôn Thái An	600	150	1.889	180,34		2	2		
3	Thôn Bích Cẩm	292	73	890	45,46		2	1		
4	Thôn Bích Đông	405	101,25	1.328	160,21		2	1		
5	Thôn An Phòng Giang	564	141	1.859	191,86		2	1		
6	Thôn Mạc Xá	302	75,5	928	82,91		2	1		
7	Thôn An Nhân Tây	712	178	2.271	215,36		2	1		
8	Thôn An Nhân Đông	746	186,5	2.365	74,93		2	2		
9	Thôn La Tinh Bắc	596	149	1.934	72,97		2	1		
10	Thôn La Tinh Nam	715	178,75	2.419	123,52		2	2		
11	Thôn Vạn Tài	681	170,25	2.185	181,66		2	2		
12	Thôn Trúc Văn	324	81	1.108	116,07		2	1		
13	Thôn Mép	827	206,75	2.571	228,48		2	2		
14	Thôn Văn Sự	278	69,5	817	103,62		2	1		
15	Thôn Cự Lộc	778	194,45	2.474	217,68		2	2		

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn						Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)				
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
16	Thôn Phúc Lâm	760	190,0	2.335	269,10		2	1		
17	Thôn Quân	527	131,75	1.684	141,85		2	1		
18	Thôn Nhữ Tinh	1.168	292	3.709	301,51		2	2		
19	Thôn Tân Quang	525	131,25	1.758	185,13		2	1		
20	Thôn Vũ Xá	487	121,75	1.556	169,04		2	2		

Ghi chú: Thôn dự kiến có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố dự kiến có từ 550 hộ trở lên.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỬ KỲ

PHỤ LỤC 1B

**Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn
trên địa bàn xã**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND Tử Kỳ)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn/ tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Trong đó quy mô số hộ gia đình					
					Tổng số	Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Tử Kỳ	11.649	37.339	1.020	20	0	1	4	15	



PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Tử Kỳ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Tử Kỳ)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/ tổ dân phố	Các tổ chức tại thôn													So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	Ghi chú					
			Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố						Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố													
			Trong đó						Trong đó													
		Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)	Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23
1	Xã Tử Kỳ	20	140	20	20	20	20	20	20	0	20	105	15	15	15	15	15	0	15	-35		



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỬ KỲ

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Tử Kỳ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND Tử Kỳ)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo			Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định	
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐHI Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I LA TỈNH BẮC															
1	Đặng Quang Vinh	30/01/1962		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1				1	
2	Nguyễn Như Hải	23/08/1958		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1	
II LA TỈNH NAM															
1	Nguyễn Văn Thọ	25/4/1963		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1				1	
2	Nguyễn Thị Hạnh Nụ	19/4/1954	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8			1			1			1
III AN NHÂN ĐÔNG															
1	Vũ Ngọc Hà	04/04/1981		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2		1							

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Trần Thị Lau	10/10/1962	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,6				1				1			
IV AN NHÂN TÂY																	
1	Phạm Tiến Quyết	11/09/1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1		1			1		
2	Đặng Văn Phó	15/02/1954			Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1			
V TÂN QUANG																	
1	Hoàng Hữu Toàn	01/7/1965		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1				1			
2	Hoàng Thanh Đông	01/5/1956		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1			1		1		
VI NHŨ TỈNH																	
1	Nguyễn Văn Thoan	20/3/964		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1				1			
2	Nguyễn Thị Kim Định	1963	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1		1					
VII THÔN VŨ XÁ																	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Vũ Văn Nhã	16/01/1983		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2		1					1		
2	Đào Văn Tới	03/9/1986		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8		1					1		
VIII THÔN BÍCH CẨM															
1	Nguyễn Văn Năng	15/01/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	3,2				1				1	
2	Nguyễn Thanh Thân	13/7/1963		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1
IX THÔN THỊ TỬ															
1	Lê Xuân Lụa	12/01/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1					1
2	Nguyễn Văn Giám	12/02/1957		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1					1
X THÔN THÁI AN															
1	Nguyễn Văn Thụy	26/3/1960		x	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1					1

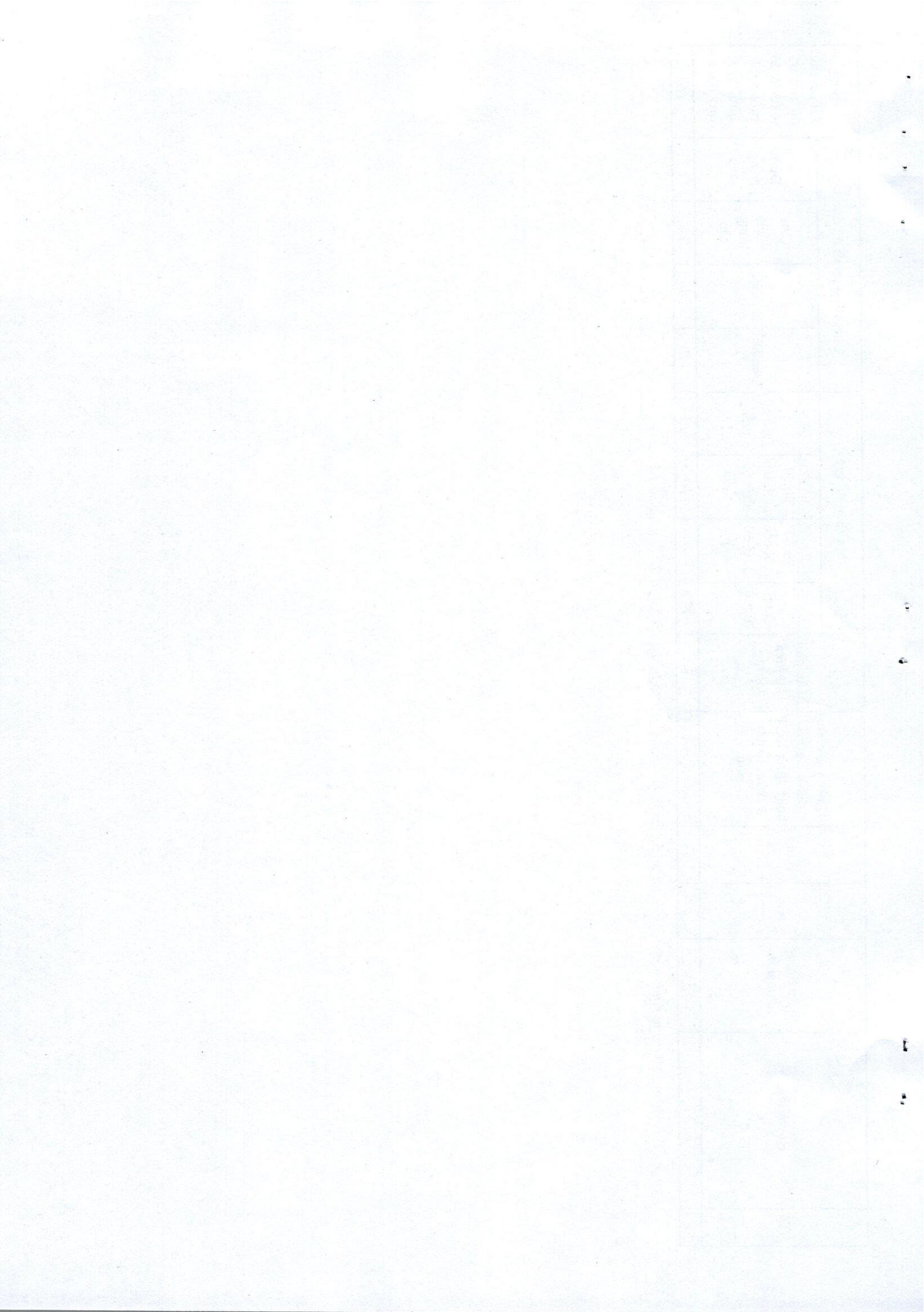
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
2	Nguyễn Đức Khiết	05/9/1955		x	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1		
XI THÔN MẠC XÁ																
1	Phạm Xuân Sứ	1/13/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	3,2				1				1	1	
2	Phạm Khắc Hoàn	16/4/1960		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1				1	1	
XII THÔN BÍCH ĐÔNG																
1	Trần Văn Lộng	20/12/1970		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2			1					1		
2	Đỗ Văn Tuyển	25/5/1970		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8			1					1		
XIII AN PHÒNG GIANG																
1	Phạm Minh Tuấn	16/4/1963		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1				1		
2	Phạm Văn Thoan	1964		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1		
XIV THÔN QUẢN																

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Quốc Khánh	17/02/1999		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2	1					1			
2	Trần Ngọc Tuấn	07/03/1969		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8			1						1
XV THÔN PHÚC LÂM															
1	Phạm Văn Dân	19/3/1975		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2			1						1
2	Mai Văn Đê	15/6/1957		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1					1
XVI THÔN CỰ LỘC															
1	Nguyễn Hữu Thăng	8/9/1966		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2			1						1
2	Nguyễn Hữu Bòn	10/7/1954		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1					1
XVII THÔN VĂN SỰ															
1	Nguyễn Văn Khiêm	1971		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	3,2			1						1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Nguyễn Văn Thường	1960		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1			1		1		
XVII THÔN MẾP																	
1	Nguyễn Thiên Kinh	10/9/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2				1				1			
2	Nguyễn Văn Quân	10/10/1959		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1			
XIX THÔN TRƯỚC VÁN																	
1	Đặng Trần Vinh	15/6/1977		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	3,2		1						1			
2	Phạm Thị Lành	12/1/1962	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,3				1					1		
XX THÔN VẠN																	
1	Nguyễn Văn Đăng	24/6/1969		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn	4,2			1					1			
2	Nguyễn Văn Vinh	1/12/1965		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,8				1				1			
Tổng số		40	4	37		110,6	1	4	8	27	0	5	6	29	8		

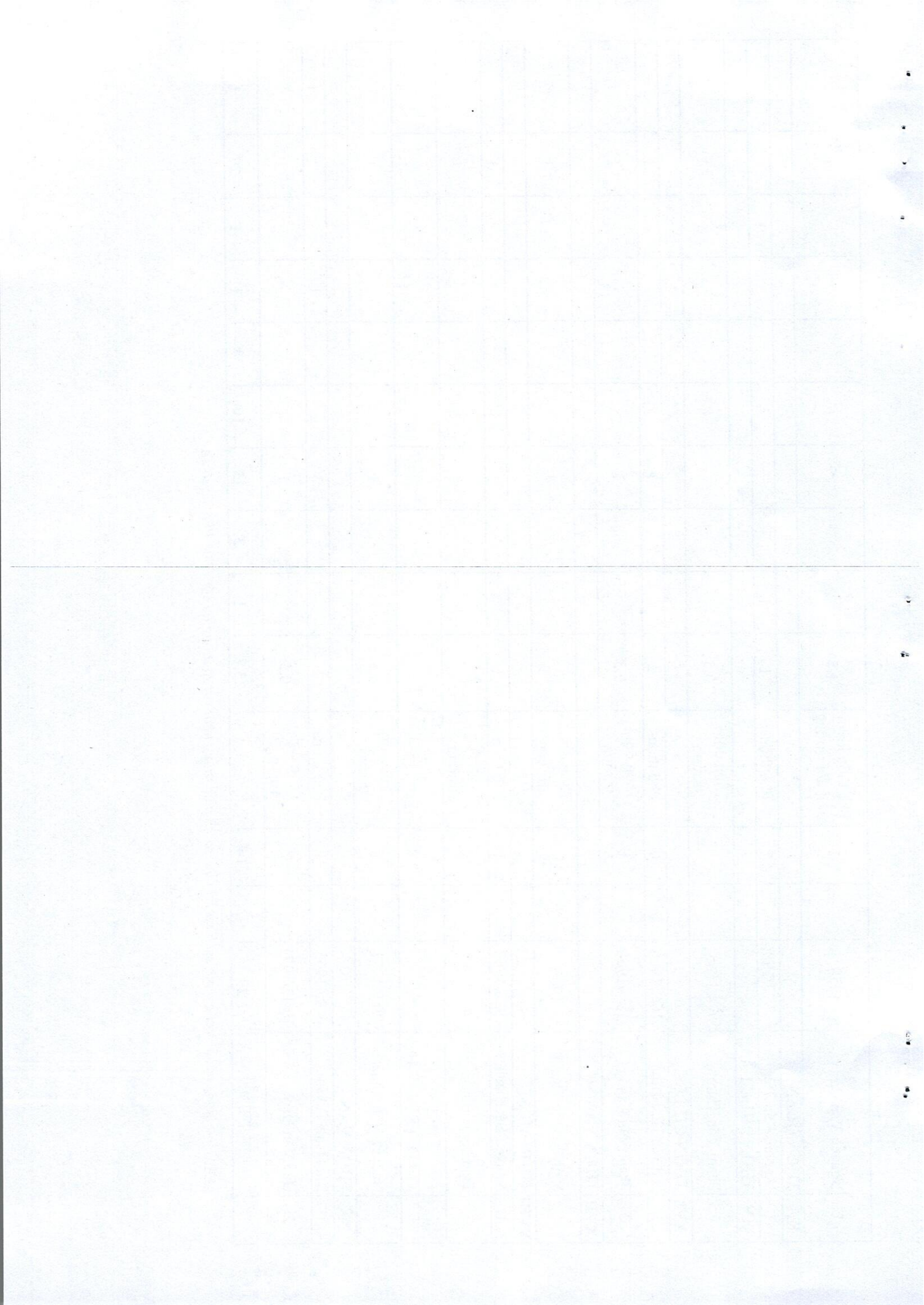
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3A phải thống nhất với số lượng tại cột số 07 Phụ lục số 1A



1	Nguyễn Văn Cừ	1959		1	Phó thôn kiêm thôn đội trưởng	1,5					1							1	
XIV	THÔN QUẬN																		
1	Nguyễn Văn Tiên	7/27/1986		1	Phó thôn	1													
XV	THÔN PHÚC LÂM																		
1	Phạm Văn Thương	6/4/1965			Thôn đội trưởng	0,5				1									1
XVI	THÔN CỤ LỘC																		
1	Nguyễn Hữu Hữu	10/1/1966		0	Phó thôn	1				1									1
2	Phạm Văn Can	18/4/1968		1	Thôn đội trưởng	0,5				1									1
XVII	THÔN VĂN SỰ.																		
1	Nguyễn Đức Thanh	1966			Thôn đội trưởng	0,5				1									1
XVIII	THÔN MẾP																		
1	Nguyễn Bá Thành	20/8/1962		1	Phó thôn	1					1								1
2	Trần Ngọc Bán	4/7/1962		0	Thôn đội trưởng	0,5					1								1
XIX	THÔN TRÚC VẤN																		
1	Nguyễn Văn Thuật	20/9/1971		1	Thôn đội trưởng	0,5				1									1
XX	THÔN VẠN																		
1	Bùi Danh Tuyên	1/25/1965		1	Phó thôn	1													1
2	Đào Văn Đạo	19/12/1971		1	Thôn đội trưởng	0,5				1									1
	Tổng số	29	2	14		25,7	3	15	1	10	0	1	1	1	1	1	1	27	1

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3B phải thông nhất với số lượng tại cột số 08 Phụ lục số 1A



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỨ KỶ**

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Tứ Kỳ

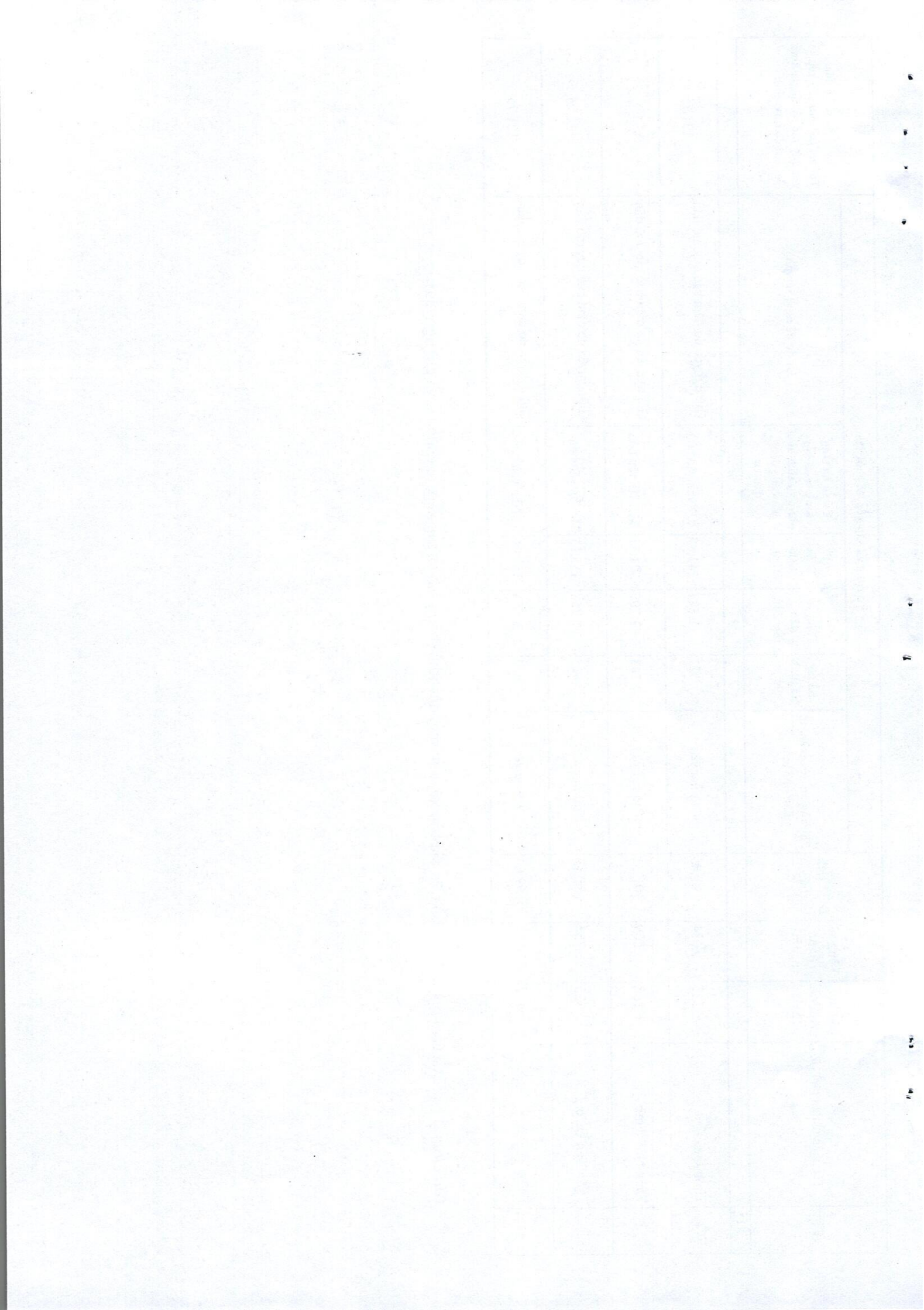
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Tứ Kỳ)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án, tên thôn/tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại				Lý do đề nghị sắp xếp	Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
								Diện tích (ha)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		
1	2	3	4	4	6	7	8	9	10	11	12		
ĐỐI VỚI XÃ TỨ KỶ: Thực hiện sáp nhập 09 thôn thành 04 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 05 thôn													
1	Thôn Thị Tứ	362	1.259	25,34	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại Thôn Thị Tứ với thôn Bích Cẩm và thôn Bích Đồng để thành lập thôn Bích Đồng	1.059	3.477	231,01	04 Nhà văn hóa	03 thôn có vị trí liên kề nhau; 02 thôn có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	264,75		
	Thôn Bích Cẩm	292	890	45,46									
	Thôn Bích Đồng	405	1.328	160,21									
2	Thái An	600	1.889	180,34	Giữ nguyên	600	1.889	180,34	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	150,0		
3	Thôn An Phòng Giang	564	1.859	191,86	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại Thôn An Phòng Giang với thôn Mạc Xá để thành lập Thôn An Mạc	866	2.787	274,77	02 Nhà văn hóa	02 thôn liên kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; 01 thôn có quy mô trên 100% số hộ gia đình, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	216,5		
	Thôn Mạc Xá	302	928	82,91									

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do đề nghị sắp nhập	Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		
1		3		4	6	7	8	9	10	11	12
4	Thôn An Nhân Tây	712	2.271	215,36	Giữ nguyên	712	2.271	215,36	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	178,0
5	Thôn An Nhân Đông	746	2.365	74,93	Giữ nguyên	746	2.365	74,93	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	186,5
6	Thôn La Tinh Bắc	596	1.934	72,97	Giữ nguyên	596	1.934	72,97	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	149,0
7	Thôn La Tinh Nam	715	2.419	123,52	Giữ nguyên	715	2.419	123,52	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	178,75
8	Thôn Vạn Tài	681	2.185	181,66	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Vạn Tài với thôn Trúc Vân để thành thôn Minh Hương	1.005	3.293	297,73	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; 01 thôn quy mô trên 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	251,25
	Thôn Trúc Vân	324	1.108	116,07							
9	Thôn Vân Sụ	278	817	103,62	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Mếp với thôn Vân Sụ để thành thôn Minh Hải	1.105	3.388	332,10	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 50% đến dưới 70%, có 01 thôn trên 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	276,25
	Thôn Mếp	827	2.571	228,48							
10	Cự Lộc	778	2.474	217,68	Giữ nguyên	778	2.474	217,68	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	194,45
11	Thôn Phúc Lâm	760	2.335	269,10	Giữ nguyên	760	2.335	269,10	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	190,0

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
12	Thôn Quần	527	1.684	141,85	Giữ nguyên	527	1.684	141,85	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	131,75
13	Thôn Nhữ Tinh	1.168	3.709	301,51	Giữ nguyên	1.168	3.709	301,51	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	292,0
14	Thôn Tân Quang	525	1.758	185,13	Giữ nguyên	525	1.758	185,13	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	131,25
15	Thôn Vũ Xá	487	1.556	169,04	Giữ nguyên	487	1.556	169,04	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô dân số	121,75

Ghi chú : Liệt kê tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu (bao gồm cả sắp xếp, tổ chức lại và giữ nguyên).



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỬ KỲ

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHUNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỎ CHỨC LẠI
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Tử Kỳ)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố						Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)		
A	1	2	3	4	5	6	9	
1	Không có							
3								

Tổng số 0 thôn

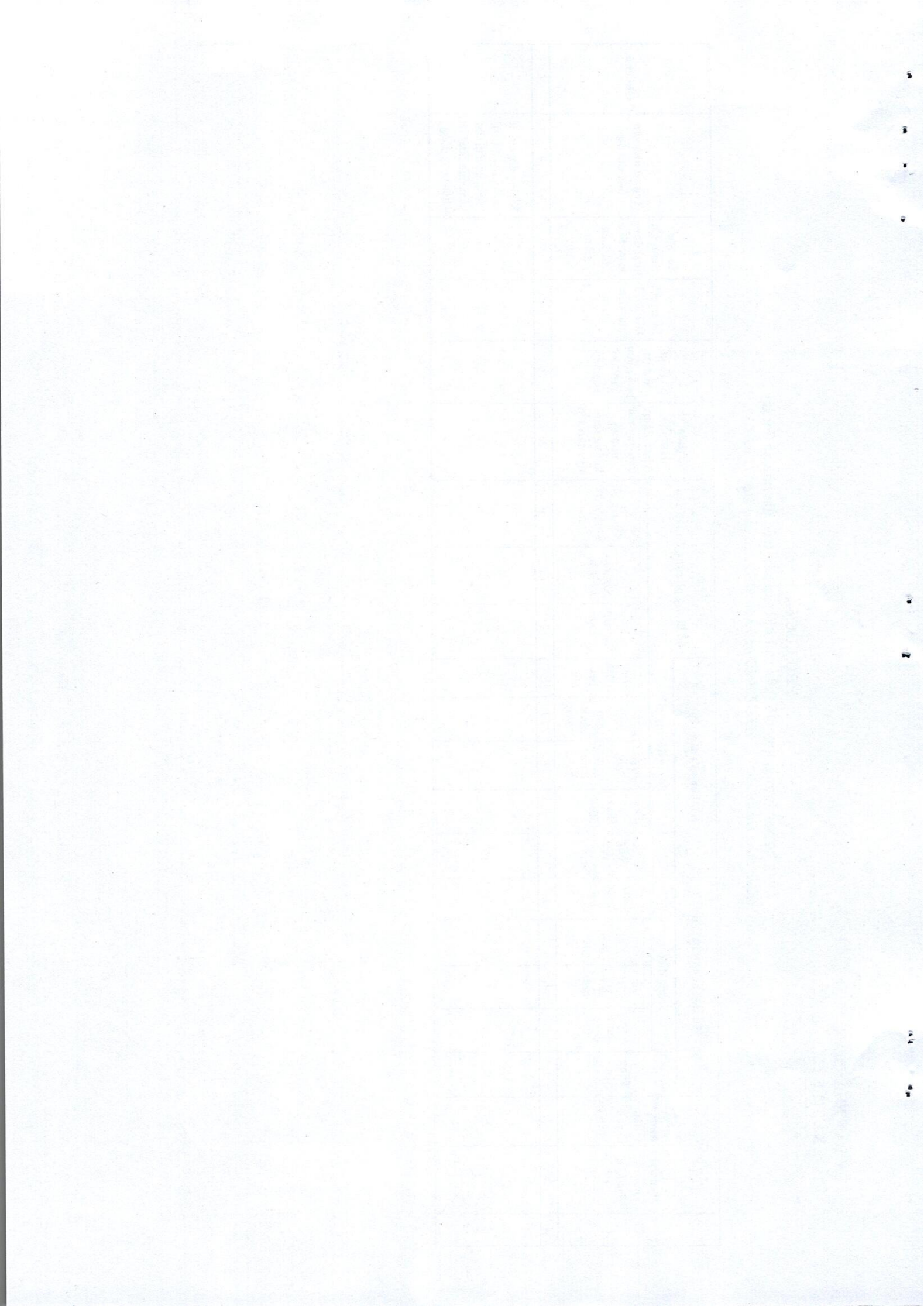
The image shows a very faint grid pattern on a light blue background. The grid is composed of several vertical and horizontal lines, creating a table-like structure. The lines are thin and light in color, making them difficult to see clearly. The grid is centered on the page and extends across most of its width and height.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỬ KỲ

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Tử Kỳ
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Tử Kỳ)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn tiến hành sắp xếp				Số thôn sau sắp xếp				Số lượng phương án sắp xếp				Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HB KCT dự kiến giám	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giám	Trụ sở nhà văn hóa đối dư	Ghi chú	
			Tổng số	Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến 100%	Từ 100% trở lên	Tổng số	Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến 100%	Từ 100% trở lên	Sắp xếp 02 thôn	Sắp xếp 03 thôn							Sắp xếp từ 04 thôn trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	XÃ TỬ KỲ	20	9	0	1	4	4	15	0	0	0	15	3	1	0	0	5	10	05	Không đối dư, để nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

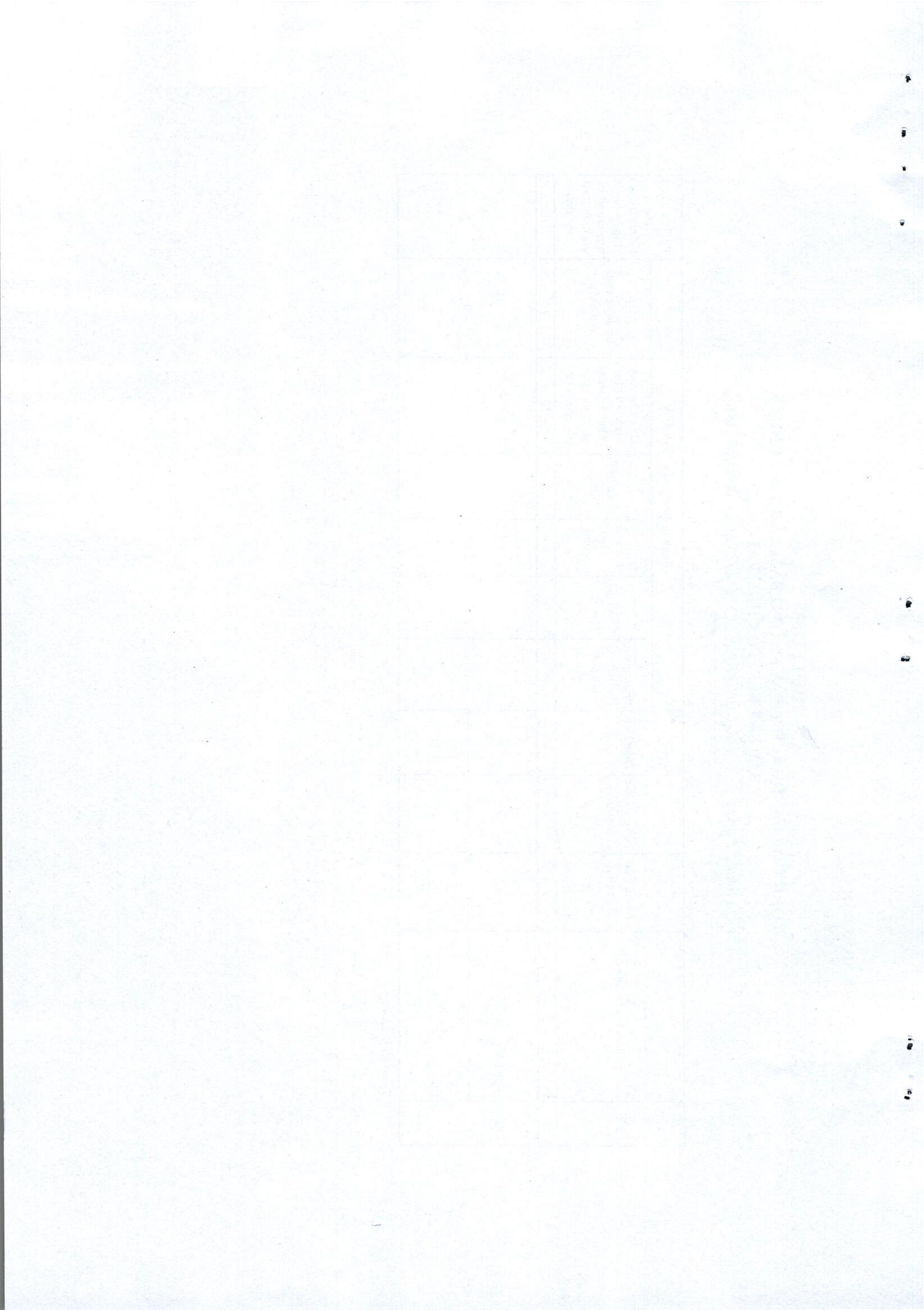


ỦY BAN NHÂN DÂN
XÁ TỬ KỲ

PHỤ LỤC 6B
TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
SAU SẮP XẾP, TÒ CHỨC LẠI
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Tử Kỳ)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Không có	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Không có	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tổng số 0 thôn



2	Thôn Thái An		2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
3	Mạc Xá	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Mạc Xá, An Phòng Giang để thành lập thôn và lấy tên là An Mạc	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa, khu thể thao của thôn Mạc Xá để làm điểm sinh hoạt văn hóa công cộng phục vụ nhân dân. Tập trung chuyển về địa điểm chính trung tâm thôn An Phòng Giang để làm điểm Nhà văn hóa thôn sau khi sáp nhập (do khu vực đất nhà văn hóa đã được sắp xếp trong phương án khác)
	4												

9	Mép	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Mép với thôn Văn Sứ để thành lập thôn Minh Hải	4	2	2	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng nhà văn hóa Văn Sứ để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng phục vụ nhân dân; Tập trung chuyển về địa điểm chính trung tâm thôn Mép để làm điểm nhà văn hóa thôn sau khi sáp nhập (do khu vực đất nhà văn hóa đã được sắp xếp trong phương án khác)	
	Văn Sứ													
10	Thôn Cự Lộc		2	1	1	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				
11	Thôn Phúc Lâm		2	1	1	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				
12	Thôn Quàn		2	1	1	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng				

13	Thôn Nữ Tinh		2	1	1	1	0	0	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng			
14	Thôn Tân Quang		2	1	1	1	0	0	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng			
15	Thôn Vũ Xá		2	1	1	1	0	0	0	0	0	0	Tiếp tục sử dụng			

